

THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN, NIỀM TIN, KHÁT VỌNG VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÌ PHỒN VINH, HẠNH PHÚC TRONG DỰ THẢO CÁC VĂN KIỆN TRÌNH ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

★ PGS, TS NGUYỄN THANH TUẤN

Viện Quyền con người,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Tư tưởng cốt lõi, xuyên suốt của Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng là: Trên cơ sở tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược (thể chế, nguồn nhân lực, hạ tầng), trước tiên và cơ bản hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển để kiến tạo niềm tin; từ đó khơi dậy khát vọng phát triển đất nước nhằm nuôi dưỡng, thúc đẩy nhu cầu, năng lực đổi mới sáng tạo vì độc lập, tự do, hạnh phúc và phồn vinh của đất nước và người dân Việt Nam.

● **Từ khóa:** thể chế phát triển, niềm tin, khát vọng, đổi mới sáng tạo.

1. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh - bền vững nhằm kiến tạo niềm tin, khát vọng nơi người dân

Khát vọng và sáng tạo dù phóng khoáng và tự do đến mức nào cũng phải diễn ra trên cơ sở thể chế chính trị, kinh tế và văn hóa nhất định. Cho nên, trước tiên và cơ bản phải tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển có năng lực nuôi dưỡng, thúc đẩy khát vọng và đổi mới sáng tạo vì hạnh phúc con người Việt Nam. Thực tiễn xây dựng, hoàn thiện thể chế nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và thể chế Nhà nước pháp quyền XHCN đã được tổng kết và đề cập xuyên suốt, nhất quán trong toàn bộ Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

Ba đột phá chiến lược (thể chế, nguồn nhân lực, hạ tầng) được nêu lần đầu tiên tại Đại hội XI của Đảng (2011). Hiện nay, trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII, nội hàm của chúng được phát triển so với nội dung trong Văn kiện Đại hội XI và XII. Chẳng hạn trước đây, xác định chỉ là phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, lần này, trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII, được xác định là “hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển”, tức thể chế phát triển cho tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Trước đây, chỉ xác định nguồn nhân lực chung, hiện nay, xác định rõ ưu tiên nguồn nhân lực lãnh đạo quản lý và các lĩnh vực then chốt; Cũng như thế trong đột phá chiến



Cửa ngõ phía Nam Hà Nội ngày càng hiện đại _ Ảnh: danviet.vn

lược về hạ tầng, Văn kiện lần này xác định cụ thể ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

Việc xác định như Dự thảo Văn kiện đã làm rõ hơn nội hàm của thể chế phát triển nhanh - bền vững trong giai đoạn “bình thường mới” hiện nay và thời gian tới. Tính “bình thường mới” là đất nước sinh sống, hoạt động trong trạng thái được đặc trưng bởi cách thức hoạt động, sinh hoạt, giao tiếp xã hội tích cực, chủ động phòng, chống đại dịch COVID-19 và sự hỗ trợ của công nghệ 4.0, mang tính “ảo”, “gián tiếp” nhiều hơn, nhưng vẫn phải bảo đảm thuộc tính tự nhiên - xã hội sống động, hiện thực trực tiếp nhất của con người và xã hội trong bối cảnh còn có sự tác động của đại dịch COVID-19 và quá trình hình thành, phát triển xã hội số (xã hội 5.0) trên nền tảng công nghệ 4.0 và internet.

Trước mắt, Chính phủ không thể kiến tạo ngay lập tức một thể chế phát triển hoàn toàn mới thoát ly điều kiện Việt Nam và thế giới theo một cách tiếp cận hoàn toàn khác. Thực tế thời gian qua cho thấy, việc đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, tăng cường hội nhập với toàn cầu hóa và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước. Trên cơ sở đó, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội để thúc đẩy xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN có năng lực kiến tạo phát triển nhanh - bền vững và niềm tin nơi người dân. Do đó, phải tiếp tục mở rộng dân chủ cả gián tiếp và trực tiếp, trước tiên, cơ bản là trong thể chế kinh tế thị trường; và phải gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, để tiếp tục xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh phù hợp với thể chế Nhà nước pháp quyền XHCN.

2. Niềm tin, khát vọng phát triển phồn vinh, hạnh phúc

Các Đại hội trước đây đề cập chưa đúng mức đến chủ đề niềm tin, khát vọng phát triển phồn vinh, hạnh phúc vì độc lập, tự do, hạnh phúc của cả đất nước và của mỗi người Việt Nam. Trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII, ngay trong chủ đề của Đại hội và các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đều khẳng định: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước”. Các mục tiêu được định lượng cụ thể: Phần đầu đến năm 2025, nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, cơ bản có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao⁽¹⁾.

Ngày nay, khi đất nước đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển và đang tích cực xây dựng một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, nhiều người Việt Nam mới thực sự: “Đã nghe gió ngày mai thổi lại. Đã nghe hồn thời đại bay cao” như nhà thơ cách mạng Tố Hữu dự cảm cách đây khoảng 60 năm. Khát vọng không phải là một huyền tưởng xuất phát từ ngẫu hứng nhất thời, chủ quan, duy ý chí, mà được khơi dậy, gây dựng từ niềm tin vững chắc vào thể chế phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, vào bản lĩnh và những kinh nghiệm dày dặn mà Đảng, nhân dân Việt Nam đã đúc kết được trong thực tiễn đổi mới, phát triển đất nước, đặc biệt vào nấc thang phát triển mới và vị thế, uy tín của đất nước đã đạt được qua 35 năm đổi mới. Hiện nay, khát vọng và cũng là yêu cầu cấp thiết đang đặt ra đối với Đảng, Nhà nước và toàn dân Việt Nam là phải mạnh dạn đổi mới, sáng tạo để đi tắt đón đầu nhằm đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững. Bởi lẽ, chúng ta đã nhiều lần để lỡ thời cơ mà các cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 2,

thứ 3 tạo ra. Giờ đây cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang kiến tạo thời cơ và lôi cuốn toàn nhân loại. Vì thế, Việt Nam cũng không thể không chủ động, tích cực nắm bắt thời cơ đó.

Khát vọng xuất phát từ tâm khảm hay tấm lòng của mỗi con người và của toàn dân tộc Việt Nam; Đây là một trạng thái tinh thần của “gió ngày mai thổi lại” và mang “hồn thời đại” với sự thôi thúc mạnh mẽ từ niềm tin vào thể chế phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đó thực chất là chất men của chủ nghĩa yêu nước khi vận nước phát triển phồn vinh, hạnh phúc đã đến. Chất men đó được thể hiện ở tinh thần, năng lực sáng tạo cá nhân và đại đoàn kết các cộng đồng Việt Nam trong và ngoài nước. Khát vọng mang hồn thời đại có giá trị như lực lượng vật chất tạo nên “sĩ khí quốc dân”. “Sĩ khí quốc dân” chỉ được hình thành, phát triển khi mỗi người và toàn dân tộc có niềm tin vào thể chế phát triển theo hướng hiện đại của đất nước, và tích cực đoàn kết dân tộc để ra sức thực hiện cho được thể chế đó nhằm bước tới đài vinh quang “sánh vai cùng các cường quốc năm châu” trong thế kỷ XXI như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh⁽²⁾.

Trên cơ sở niềm tin của người dân, khơi dậy, gây dựng và tích cực kiến tạo khát vọng, ý chí tự lực, tự cường thành sức mạnh nội sinh có tính quyết định để phát triển đất nước nhanh - bền vững trong chiến lược phát triển 10 năm tới và đến năm 2045. Trước mắt, có thể chủ động, tích cực ứng phó với trạng thái “bình thường mới” để biến nguy thành cơ trước đại dịch COVID-19 và kiến tạo cơ hội phát triển bứt phá nhằm vượt qua tầng nấc đang phát triển của Việt Nam hiện nay trong cạnh tranh toàn cầu và khu vực. Trong khát vọng phải có “tham vọng”, tỉnh táo và lường định được những thách thức mới trong thời gian tới. Nhưng khi niềm tin người dân đã thành “sĩ khí quốc dân” và kết hợp với vận nước phát triển

phồn vinh, hạnh phúc đã đến thì lòng dân bên vững và “không có việc gì khó” (Hồ Chí Minh) để quyết chí và dám vượt qua mọi thách thức trong giai đoạn phát triển đến năm 2030 và 2045.

3. ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐỂ HIỆN THỰC HÓA KHÁT VỌNG NHẪM ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

Khát vọng nuôi dưỡng, thúc đẩy nhu cầu, năng lực đổi mới sáng tạo cũng là một trong những phương châm được xác định trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nếu không đổi mới sáng tạo thì không thể phát triển nhanh - bền vững. Trong công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay, đổi mới gắn với sáng tạo và đổi mới sáng tạo gắn với phát triển là một thuộc tính và chính là kết quả vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về “Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ”⁽³⁾ nên “Tư tưởng hành động cũng phát triển”⁽⁴⁾.

Đổi mới sáng tạo chính là cách thức phát triển hợp quy luật của công cuộc đổi mới với sự tác động thường trực của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt trong điều kiện “bình thường mới” khi Việt Nam đang phải thực hiện nhiệm vụ kép: vừa phát triển kinh tế vừa phòng - tránh hiệu quả đại dịch COVID-19. Thực ra, đổi mới sáng tạo phản ánh tư duy và phương thức phát triển có tính phổ biến của toàn nhân loại trong bối cảnh toàn cầu hóa với sự tác động của đại dịch COVID-19 và Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Ở nước ta, đổi mới sáng tạo phải được tiến hành đồng bộ, toàn diện cả cách nghĩ và cách làm theo phương châm: Đổi mới sáng tạo trong tư duy, trước hết trong tư duy kinh tế, đổi mới sáng tạo trong thực hiện ba đột phá chiến lược (thể chế, nguồn nhân lực, hạ tầng), trong công tác tổ chức và cán bộ, trong phong cách hoạt động, sinh hoạt,... trên các

lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó, ưu tiên thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong phát triển công nghệ số và trong khởi nghiệp.

Trước hết, đổi mới sáng tạo trong phát triển công nghệ số nhằm thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, thực chất, không theo kiểu phong trào trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản trị,... để từng bước hình thành kinh tế số, chính phủ số, xã hội số, nhằm tạo ra những giá trị mới và sức phát triển bứt phá, đi tắt đón đầu vào công nghệ hiện đại, tiên tiến của thế giới. Muốn vậy, trọng tâm là phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo slogan (khẩu hiệu tiếp thị) “Make in Vietnam” đã được Bộ Thông tin và Truyền thông đề ra. So với “Made in Viet Nam”, “Make in Vietnam” nhằm nhấn mạnh vào sự chủ động sáng tạo, thiết kế các sản phẩm công nghệ cao của bản thân người Việt nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp ICT trong nước. “Made in Vietnam” để chỉ nơi xuất xứ, tỷ lệ nội địa hóa, thuế quan, xuất nhập khẩu, còn “Make in Vietnam” nhằm truyền tải việc thực hiện chiến lược, lời hiệu triệu và sự chuyển dịch hướng phát triển của các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Nội hàm “Made in Vietnam” không quan tâm tới công nghệ được nhập khẩu từ đâu, việc sản xuất là lắp ráp hay nghiên cứu chế tạo, miễn các giá trị đó được sản sinh tại Việt Nam càng nhiều càng tốt. Trong khi đó với “Make in Vietnam”, đổi mới sáng tạo có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ lắp ráp, gia công sang tự chủ sáng tạo, thiết kế một cách chủ động, để sản xuất các sản phẩm công nghệ số Việt Nam. Thông qua đổi mới sáng tạo theo kiểu “Make in Vietnam”, nước ta sẽ cải thiện được chất lượng tăng trưởng, xây dựng nền kinh tế tự chủ và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Với cách đổi mới sáng tạo này, Việt Nam sớm hiện thực hóa mục tiêu trở thành một nước công nghiệp phát triển theo hướng hiện

đại. Nếu đổi mới sáng tạo chỉ ở tầm “Made in Vietnam”, nước ta sẽ bằng lòng với tiêu chí một nước đang phát triển. Còn nếu đổi mới sáng tạo theo kiểu “Make in Vietnam”, nước ta có thể trở thành một nước phát triển. Đây là khát vọng có tính tham vọng không phải là không tinh táo ở nước ta hiện nay, nhất là khi Việt Nam đã phát triển được mạng 5G nội địa.

Tiếp đó là đổi mới sáng tạo hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia. Khởi nghiệp quốc gia không phải theo kiểu phong trào, mà tất nhiên cũng phải thực hiện theo kiểu “Make in Vietnam” để kiến tạo lại hệ sinh thái khởi nghiệp thực chất, đúng tầm, đúng yêu cầu nhằm nhanh chóng “thay máu” và chuyển dịch mạnh mẽ doanh nghiệp từ kiểu thủ công “hàng xén” sang tổ chức, vận hành kiểu công nghệ 4.0 mang thuộc tính “Make in Vietnam”. Trên cơ sở đó, hoạt động theo tư duy dân tộc nhưng hành động toàn cầu nhằm bảo đảm tính tự chủ, chất lượng tăng trưởng và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Khởi nghiệp quốc gia theo kiểu “Make in Vietnam” sẽ buộc các doanh nghiệp phải nghiên cứu sáng tạo nhiều hơn, sản xuất nhiều hơn thay vì chỉ buôn bán lòng vòng, gia công, lắp ráp. Giá trị gia tăng tại Việt Nam vì thế cũng sẽ cao hơn so với việc chỉ đơn thuần sản xuất để có được “Made in Vietnam”.

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sẽ thúc đẩy mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam, và thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt ở nước ngoài. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo là con đường ngắn nhất, bền vững nhất và duy nhất để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất lao động, đưa đất nước phát triển nhanh - bền vững và tiệm cận được tiêu chí các nước phát triển. Yếu tố cơ bản thúc đẩy đổi mới

sáng tạo là thể chế có khả năng trao quyền, bảo đảm quyền, thúc đẩy dân chủ trong đời sống kinh tế, xã hội, xây dựng văn hóa phản biện, kích thích bày tỏ ý kiến và chính kiến cá nhân. Đổi mới sáng tạo là biểu hiện và kết quả của niềm tin và khát vọng, của sĩ khí quốc dân, vì thế là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, trong đó đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, phải nêu gương dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì sự nghiệp chung, đội ngũ trí thức, doanh nhân đóng vai trò nòng cốt trong lao động sáng tạo;...

4. Tất cả vì độc lập, tự do, hạnh phúc và phần vinh của mỗi người và của cả dân tộc Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đặt mục tiêu xây dựng đất nước độc lập, tự do, hạnh phúc của mỗi người và của mọi người Việt Nam. Kế thừa tư tưởng vì con người đó, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII xác định tư tưởng cốt lõi và xuyên suốt là: hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước để kiến tạo niềm tin, khát vọng, đổi mới sáng tạo vì độc lập, tự do, hạnh phúc và phần vinh của mỗi người và của cả đất nước Việt Nam. Một cơ sở thực tiễn là gần đây, một tỉnh đã đưa tiêu chí hạnh phúc của người dân vào báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh; trong đó đo lường hạnh phúc thông qua các tiêu chí hài lòng về cuộc sống, môi trường, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, hài lòng về cơ quan công quyền,... Và trong quá trình xây dựng nông thôn mới, nhiều địa phương đã hướng đến tiêu chí hài lòng của người dân để đánh giá tổng hợp kết quả xây dựng nông thôn mới.

Để triển khai, thực hiện tư tưởng cốt lõi và xuyên suốt nêu trên, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII đã phát triển phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thành phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁽⁵⁾.

Phương hướng triển khai thực hiện mấu chốt là: “Tạo bước chuyển căn bản nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo... Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; hoàn thiện và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với phát huy ý chí, khát vọng phát triển và sức mạnh con người Việt Nam trong thời kỳ mới...”⁽⁶⁾. Phương hướng này chỉ được nhất quán triển khai thực thi trong cuộc sống, nếu thực hiện việc lồng ghép, tích hợp cách tiếp cận dựa trên quyền con người vào cách tiếp cận chính trị - pháp lý trong các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, trước hết trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, cho phù hợp với thể chế Nhà nước pháp quyền XHCN. Từ cách tiếp cận dựa trên quyền, phải thực hiện các giải pháp quy hoạch, quản lý phát triển kinh tế - xã hội hiệu lực, hiệu quả để giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội nhằm bảo đảm sự ổn định (một cách năng động) và phát triển nhanh - bền vững, đồng thời kiểm soát và xử lý rủi ro, bảo đảm mọi người dân đều được bình đẳng về cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện. Việc thực hiện công bằng xã hội phải dựa trên sự gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần cho người dân, nhằm bảo đảm nhân dân được hưởng thụ ngay một tốt hơn thành quả của sự nghiệp đổi mới, đặc biệt trong việc bảo đảm quyền tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho những người yếu thế (chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, giáo dục, việc làm, thu nhập,...).

Thông qua đó xác lập được trong thực tế cuộc sống mối quan hệ giữa lấy con người làm trung tâm - bảo đảm quyền con người - phát triển con người toàn diện. Bởi lẽ, mục tiêu phát triển con

người toàn diện đương nhiên phải xuất phát từ con người và “lấy con người làm trung tâm”. Nhưng nếu không có sự tham gia chủ động, tích cực của người dân với tư cách là người là chủ - làm chủ thì không thể “dựa vào dân” nhằm đạt được mục tiêu đó. Nói cách khác, việc xuất phát từ con người và “lấy con người làm trung tâm” là tất yếu, nhưng nếu con người không được trao quyền và được bảo đảm quyền của mình, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân thì không thể “lấy dân làm gốc”, không thể phát huy được sức dân và xây dựng được con người phát triển toàn diện. Vì thế, việc bảo đảm quyền con người là khâu kết nối cần thiết, không thể thiếu giữa khâu lấy con người làm trung tâm và phát triển con người toàn diện. Muốn vậy, một giải pháp có tính đột phá là đa dạng hóa hình thức, nội dung, phương pháp lồng ghép, tích hợp giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân để thực hiện phương châm lấy người học làm trung tâm nhằm thúc đẩy giáo dục và xây dựng con người phát triển toàn diện từ nhà trường rồi đến ngoài xã hội □

(1) Xem: *Khát vọng phát triển đất nước và đổi mới sáng tạo - điểm nhấn của Đại hội Đảng lần thứ XIII*, <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu-trao-doi/khat-vong-phat-trien-dat-nuoc-va-doi-moi-sang-tao-diem-nhan-cua-dai-hoi-dang-lan-thu-xiii.html>.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.35.

(3), (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.377, 55.

(5) ĐCSVN: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng*, tháng 4-2020, tr.57.

(6) Nguyễn Phú Trọng: *Chuẩn bị thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới*, Tạp chí *Cộng sản*, số 949 (9-2020).